

Số: /BC-UBND

Tam Nông, ngày tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các nhóm tiêu chí thuộc Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện Tam Nông tháng 02/2025

Thực hiện Công văn số 43/UBND-HCC ngày 18/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện báo cáo kết quả thực hiện các nhóm tiêu chí thuộc Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử (*gọi tắt là Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp*) trên địa bàn Huyện tháng 02/2025 như sau:

I. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

1. Đối với huyện Tam Nông

Theo kết quả thực hiện Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng dịch vụ công quốc gia (*tại địa chỉ <https://quantri.dichvucong.gov.vn>*), tháng 02/2025 huyện Tam Nông **đạt 92,26/100 điểm (loại xuất sắc), xếp hạng 03/12 huyện, thành phố.**

- Chi tiết các tiêu chí và số điểm đạt được như sau:

Stt	Nhóm chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Tháng 02/2025	
			Điểm	Tỷ lệ (%)
01	Công khai, minh bạch	18	14,0	77,6
02	Tiến độ, kết quả giải quyết	20	19,6	98,86
03	Dịch vụ công trực tuyến	12	10	83,6
04	Thanh toán trực tuyến	10	10	96,3
05	Mức độ hài lòng	18	18	100
06	Số hóa hồ sơ	22	20,7	94,1

2. Đối với UBND các xã, thị trấn

Điểm số cao nhất là **96,75/100 điểm**, điểm thấp nhất là **84,9/100 điểm**, trong đó có 08 xã, thị trấn xếp loại xuất sắc; 04 xếp loại tốt, cụ thể:

Stt	Tên đơn vị		Điểm từng nhóm tiêu chí
-----	------------	--	-------------------------

		Điểm tổng	Công khai, minh bạch	Tiến độ giải quyết	Dịch vụ trực tuyến	Thanh toán trực tuyến	Mức độ hài lòng	Số hóa hồ sơ
01	Xã Phú Đức	96.8	18	19.9	10	10	18	20.9
02	Xã Phú Thành B	96.5	18	19.6	10	10	18	20.9
03	Xã Tân Công Sính	96.5	18	19.9	10	10	18	20.6
04	Xã Phú Cường	94.4	17.1	19.9	10	8.5	18	20.9
05	Xã An Hòa	92.1	13.6	20	10	10	18	20.5
06	Thị trấn Tràm Chim	90.9	12.1	19.8	10	10	18	21
07	Xã Phú Thọ	90.7	14	19	10	8.5	18	21.2
08	Xã Phú Hiệp	90.1	12	19.5	10	10	18	20.6
09	Xã An Long	89.3	12.1	19.8	10	10	18	19.4
10	Xã Hòa Bình	88.1	10.5	19.4	10	10	18	20.2
11	Xã Phú Ninh	86.6	10.4	19.8	9.7	8.7	18	20
12	Xã Phú Thành A	84.8	8.1	19.7	8.5	10	18	20.5

II. NHÓM CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CỦA BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

1. Chỉ số công khai, minh bạch

1.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ TTHC công bố đúng hạn.
- Tỷ lệ TTHC được cập nhật, công khai đúng hạn.
- Tỷ lệ TTHC được công khai có đầy đủ nội dung quy định về các bộ phận cấu thành.
- Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ về Cổng dịch vụ công quốc gia.

1.2. Kết quả đánh giá: Điểm trung bình của nhóm chỉ số công khai, minh bạch là 14/18 điểm (*tăng 0,9 điểm so với tháng trước*), đạt tỷ lệ 77,6%. Trong tháng còn 763 hồ sơ chưa đồng bộ kịp thời.

2. Chỉ số tiến độ, kết quả giải quyết

2.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ hồ sơ xử lý trước hạn, đúng hạn.
- Thời gian giải quyết TTHC trung bình theo từng TTHC.

2.2. Kết quả đánh giá: Điểm trung bình của nhóm chỉ số tiến độ, kết quả giải quyết TTHC là 19,6/20 điểm (*tăng 0,1 điểm so với tháng trước*), đạt 98,86%.

Trong tháng, tổng số hồ sơ quá hạn thể hiện trên Cổng dịch vụ công quốc gia là **16 hồ sơ** và **27 hồ sơ** đang xử lý quá hạn, cụ thể:

Stt	Tên đơn vị	Tổng HS xử lý	Hoàn thành đúng hạn	Hoàn thành quá hạn	Đang xử lý trong hạn	Đang xử lý quá hạn	Tỷ lệ đúng hạn (%)	Tiến độ hoàn thành (100%)
01	Một cửa huyện	162	74	<u>0</u>	83	<u>5</u>	96,91	Không
02	Xã Phú Thọ	526	499	<u>0</u>	11	<u>16</u>	96,96	Không
03	Xã Phú Hiệp	219	204	<u>3</u>	9	<u>3</u>	97,26	Không
04	Xã Hòa Bình	176	165	<u>1</u>	8	<u>2</u>	98,3	Không
05	Tgị trấn Tràm Chim	599	587	<u>0</u>	11	<u>1</u>	99,83	Không
06	Xã Tân Công Sính	210	205	<u>0</u>	5	<u>0</u>	100	Xong
07	Xã Phú Thành B	213	201	<u>3</u>	9	<u>0</u>	98,59	Không
08	Xã Phú Đức	529	519	<u>3</u>	7	<u>0</u>	99,43	Không
09	Xã An Hòa	341	335	<u>0</u>	6	<u>0</u>	100	Xong
10	Xã Phú Thành A	250	241	<u>2</u>	7	<u>0</u>	99,2	Không
11	Xã An Long	347	324	<u>4</u>	19	<u>0</u>	98,85	Không
12	Xã Phú Cường	601	593	<u>0</u>	8	<u>0</u>	100	Xong
13	Xã Phú Ninh	189	186	<u>0</u>	3	<u>0</u>	100	Xong

3. Chỉ số cung cấp dịch vụ công trực tuyến

3.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến.
- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ.

3.2. Kết quả đánh giá: Điểm trung bình của nhóm chỉ số dịch vụ công trực tuyến là 10/12 điểm (tăng 03 điểm so với tháng trước), đạt tỷ lệ 83,6%, cụ thể:

STT	Tên đơn vị	Tổng hồ sơ	Nộp trực tiếp	Nộp trực tuyến	Tỷ lệ Nộp trực tiếp (%)	Tỷ lệ Nộp trực tuyến (%)	Tiến độ hoàn thành (50%)
01	Xã Phú Thọ	507	32	475	6.31	93.69	Xong
02	Xã Phú Hiệp	208	30	178	14.42	85.58	Xong
03	Xã Hòa Bình	168	30	138	17.86	82.14	Xong
04	Thị trấn Tràm Chim	594	46	548	7.74	92.26	Xong

05	Xã Tân Công Sính	207	31	176	14.98	85.02	Xong
06	Xã Phú Thành B	208	33	175	15.87	84.13	Xong
07	Xã Phú Đức	518	57	461	11	89	Xong
08	Xã An Hòa	335	50	285	14.93	85.07	Xong
09	Xã Phú Thành A	243	41	202	16.87	83.13	Xong
10	Xã An Long	332	57	275	17.17	82.83	Xong
11	Xã Phú Cường	594	56	538	9.43	90.57	Xong
12	Xã Phú Ninh	187	34	153	18.18	81.82	Xong

4. Chỉ số thanh toán trực tuyến

4.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến.
- Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.
- Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến.

4.2. Kết quả đánh giá: Điểm trung bình của nhóm chỉ số thanh toán trực tuyến là **10/10 điểm (tăng 2,9 điểm so với tháng trước)**, đạt 96,3%, cụ thể:

Stt	Tên đơn vị	Hồ sơ cần TTTT	Hồ sơ đã TTTT	Hồ sơ TT hình thức khác	Tỷ lệ đã TTTT (%)	Tiến độ HT (45%)
01	Xã Phú Thành A	246	246	0	100	Xong
02	Thị trấn Tràm Chim	582	582	0	100	Xong
03	Xã An Long	339	339	0	100	Xong
04	Xã Phú Cường	571	570	1	99,82	Xong
05	Xã An Hòa	321	319	2	99,38	Xong
06	Xã Phú Thọ	504	499	5	99,01	Xong
07	Xã Phú Ninh	175	171	4	97,71	Xong
08	Xã Phú Hiệp	205	199	6	97,07	Xong
09	Xã Tân Công Sính	201	192	9	95,52	Xong
10	Xã Phú Đức	529	505	24	95,46	Xong
11	Xã Hòa Bình	171	163	8	95,32	Xong
12	Xã Phú Thành B	188	177	11	94,15	Xong
13	Một cửa huyện	46	43	3	93,48	Xong

5. Chỉ số về mức độ hài lòng

5.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị theo phân loại
- Tiến độ xử lý phản ánh, kiến nghị
- Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị
- Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC

5.2. Kết quả đánh giá: Điểm trung bình của nhóm chỉ số mức độ hài lòng là 18 điểm, đạt tỷ lệ 100%.

6. Chỉ số về số hóa hồ sơ

6.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC thực hiện số hóa.
- Tỷ lệ hồ sơ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.
- Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ tái sử dụng.
- Ứng dụng dữ liệu dân cư trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công.

6.2. Kết quả đánh giá: Điểm trung bình của nhóm chỉ số số hóa hồ sơ là 20,7/22 điểm (*tăng 0,5 điểm so với tháng trước*), đạt tỷ lệ 94,1%. Trong tháng các phòng chuyên môn tham gia giải quyết TTHC và 12 xã, thị trấn đều thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC chưa đạt chỉ tiêu 100%; một số địa phương thực hiện khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt tỷ lệ thấp, cụ thể:

- Kết quả hồ sơ cấp kết quả điện tử:

STT	Tên đơn vị	Tổng số HS có kết quả	Tổng HS đã cấp kết quả điện tử	Tỷ lệ HS cấp kết quả điện tử	Tiến độ hoàn thành (100%)
01	Xã Phú Đức	511	477	93.35	Không
02	Xã Phú Thành B	195	169	86.67	Không
03	Xã Tân Công Sính	204	182	89.22	Không
04	Xã Phú Cường	586	542	92.49	Không
05	Thị trấn Tràm Chim	593	565	95.28	Không
06	Xã An Hòa	331	289	87.31	Không
07	Xã Phú Hiệp	199	181	90.95	Không
08	Xã Phú Thành A	236	210	88.98	Không

09	Xã Phú Ninh	151	122	80,79	Không
10	Xã An Long	330	279	84,55	Không
11	Xã Phú Thọ	500	481	96,2	Không
12	Xã Hòa Bình	167	148	88,62	Không

- Kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC:

STT	Tên đơn vị	Tổng số HS phải số hóa	Tổng HS TTHC thực hiện số hóa hồ sơ	Tỷ lệ HS TTHC thực hiện số hóa hồ sơ	Tiến độ hoàn thành (100%)
01	Xã Phú Đức	511	458	89,63	Không
02	Xã Phú Thành B	190	166	87,37	Không
03	Xã Tân Công Sính	204	176	86,27	Không
04	Xã Phú Cường	586	537	91,64	Không
05	Thị trấn Tràm Chim	593	548	92,41	Không
06	Xã An Hòa	331	285	86,1	Không
07	Xã Phú Hiệp	199	175	87,94	Không
08	Xã Phú Thành A	236	195	82,63	Không
09	Xã Phú Ninh	151	119	78,81	Không
10	Xã An Long	330	273	82,73	Không
11	Xã Phú Thọ	500	474	94,8	Không
12	Xã Hòa Bình	167	138	82,63	Không

- Kết quả thực hiện khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa:

STT	Tên đơn vị	Tổng số HS có khai thác, sử dụng lại	Tổng HS đã khai thác, sử dụng lại	Tỷ lệ HS đã khai thác, sử dụng lại	Tổng HS chưa khai thác, sử dụng lại	Tỷ lệ HS chưa khai thác, sử dụng lại (%)	Tiến độ đã khai thác, sử dụng lại (50%)
01	Xã Phú Đức	507	479	94,48	28	5,52	Xong
02	Xã Phú Thành B	208	159	76,44	49	23,56	Xong
03	Xã Tân Công Sính	203	185	91,13	18	8,87	Xong
04	Xã Phú Cường	585	571	97,61	14	2,39	Xong
05	Thị trấn Tràm Chim	592	561	94,76	31	5,24	Xong

06	Xã An Hòa	328	301	91,77	27	8,23	Xong
07	Xã Phú Hiệp	194	151	77,84	43	22,16	Xong
08	Xã Phú Thành A	223	202	90,58	21	9,42	Xong
09	Xã Phú Ninh	144	133	92,36	11	7,64	Xong
10	Xã An Long	330	134	40,61	196	59,39	Không
11	Xã Phú Thọ	505	447	88,51	58	11,49	Xong
12	Xã Hòa Bình	157	145	92,36	12	7,64	Xong

III. KHÓ KHĂN VÀ HẠN CHẾ

1. Vẫn còn phát sinh hồ sơ quá hạn trên Cổng dịch vụ công quốc gia.
2. Số lượng TTHC trực tuyến và thanh toán trực tuyến phát sinh hồ sơ chưa đạt yêu cầu.
3. Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC chưa đạt tỷ lệ 100% theo quy định.
4. Còn một số đơn vị, địa phương thực hiện khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt tỷ lệ thấp.

IV. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CÁC CHỈ SỐ THÁNG TIẾP THEO

1. Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị, địa phương thường xuyên theo dõi, cập nhật tiến độ giải quyết hồ sơ TTHC để xử lý kịp thời, đúng quy trình và thời gian quy định, hạn chế mức thấp nhất phát sinh hồ sơ quá hạn, trễ hạn trên Hệ thống giải quyết TTHC tỉnh và trên Cổng dịch vụ công quốc gia.
2. Chỉ đạo các đơn vị, địa phương tích cực rà soát, xác định nguyên nhân dẫn đến hạn chế nêu trên, đề ra giải pháp khắc phục, thực hiện hiệu quả hơn trong thời gian tới; chủ động phối hợp hoặc kịp thời đề xuất, kiến nghị với cơ quan chức năng hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện các dịch vụ công trực tuyến.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện Tam Nông tháng 02/2025./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các Phòng chuyên môn thuộc Huyện
- UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo, CVNC Văn phòng;
- Trang Thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, NC^{Hiệu}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Nam